TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST. Ngày: 21 - 9 - 2023. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Kim Ng, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số 40, ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Triệu Xuân T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 40, ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn bà Phan Thị Kim Ng trình bày: Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, không hạnh phúc. Do đó, bà Phan Thị Kim Ng xác định vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không thể kéo dài nên bà Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Triệu Xuân T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T có 02 người con chung tên Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015, hiện nay con chung đang sống với bà Ng và ông T. Khi ly hôn, bà Phan Thị Kim Ng yêu cầu được quyền nuôi con là Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015 đến trưởng thành, bà Ng không yêu cầu ông Triệu Xuân T cấp dưỡng nuôi

con chung. Bà Ng đồng ý giao con là Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 cho ông Triệu Xuân T nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà Ng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022, bị đơn ông Triệu Xuân T trình bày: Ông Triệu Xuân T và bà Phan Thị Kim Ng kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Đến khoảng tháng 8, 9 năm 2022 thì vợ chồng có hiểu lầm nhau và phát sinh mâu thuẫn nên bà Ng yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Triệu Xuân T và bà Phan Thị Kim Ng có 02 người con chung tên Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015, hiện nay con chung đang sống với bà Ng và ông T. Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn, ông Triệu Xuân T đồng ý nuôi con chung là Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 đến trưởng thành. Ông T đồng ý giao cho bà Phan Thị Kim Ng được quyền nuôi con là Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015 đến trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà Phan Thị Kim Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 17/4/2023 ông Triệu Xuân T gửi đến tòa án qua dịch vụ bưu điện đơn kháng cáo ghi ngày 17/4/2023, với nội dung: "Kháng cáo: một phần của bản án sơ thẩm ngày 10/4/2023; Lý do của việc kháng cáo: Tôi không đồng ý với nội dung án đã tuyên về việc nuôi con chung và không giải quyết nợ chung, cụ thể:1/ Án sơ thẩm tuyên giao cháu Triệu Thị Đ cho bà Phan Thị Kim Ng nuôi dưỡng; 2/ Án sơ thẩm tuyên: về nợ chung của vợ chồng không đặt ra xem xét và giải quyết". Xét thấy, vụ án nêu trên Tòa án chưa đưa ra phiên tòa xét xử nên ông Triệu Xuân T nộp đơn kháng cáo gửi đến Tòa án là không chính xác. Tòa án nhân dân huyện M đã ra Thông báo số 74/2023/TB-TA ngày 08/5/2023, thông báo cho ông Triệu Xuân T được biết: Nếu ông có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung giữa ông và bà Phan Thị Kim Ng thì ông phải làm: Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung (Nội dung đơn yêu cầu giải quyết nợ chung phải cung cấp đầy họ, tên và địa chỉ đầy đủ của chủ nợ (nếu là cá nhân), cung cấp đầy đủ tên trụ sở và địa chỉ nơi đặt trụ sở (nếu là tổ chức) và ông phải gửi đơn tại Tòa án nhân dân huyện M thì Tòa án mới có cơ sở xem xét yêu cầu của ông. Nhưng ông T không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung, không cung cấp đầy đủ họ, tên và địa chỉ cụ thể của chủ nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Triệu Xuân T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Kim Ng; Về con chung: Giao con chung tên Triệu Xuân X cho ông Triệu Xuân T được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung tên Triệu Thị Đ cho bà Phan Thị Kim Ng được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung; Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Triệu Xuân T đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào năm 2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn và tại phiên tòa bà Phan Thị Kim Ng trình bày trong quá trình chung sống giữa bà Ng và ông T thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay bà Ng và ông T không còn chung sống với nhau. Nay bà Ng xác định không còn tình cảm với ông Triệu Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Triệu Xuân T. Xét thấy, giữa bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Kim Ng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T có 02 người con chung tên Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015. Khi ly hôn, bà Phan Thị Kim Ng đồng ý giao con chung là Triệu Xuân X cho ông Triệu Xuân T được quyền nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Bà Ng yêu cầu được quyền nuôi con là Triệu Thị Đ đến trưởng thành, bà Ng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022, ông Triệu Xuân T đồng ý nuôi con chung là Triệu Xuân X, đồng ý giao con chung là Triệu Thị Đ cho bà Ng nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2023, cháu Triệu Thị Đ trình bày khi cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ; Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2022, cháu Triệu Xuân X trình bày khi cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với cha. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao

con chung tên Triệu Xuân X cho ông Triệu Xuân T được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung Triệu Xuân X đủ 18 tuổi; Giao con chung tên Triệu Thị Đ cho bà Phan Thị Kim Ng được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung Triệu Thị Đ đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Phan Thị Kim Ng trình bày không có nợ chung. Còn bị đơn ông Triệu Xuân T gửi đến tòa án qua dịch vụ bưu điện đơn kháng cáo ghi ngày 17/4/2023, với nội dung: "Kháng cáo: một phần của bản án sơ thẩm ngày 10/4/2023; Lý do của việc kháng cáo: Tôi không đồng ý với nội dung án đã tuyên về việc nuôi con chung và không giải quyết nợ chung, cụ thể:1/ Án sơ thẩm tuyên giao cháu Triệu Thị Đ cho bà Phan Thị Kim Ng nuôi dưỡng; 2/ Án sơ thẩm tuyên: về nợ chung của vợ chồng không đặt ra xem xét và giải quyết". Xét thấy, thời gian ngày 17/4/2023 Tòa án chưa đưa ra phiên tòa xét xử. Do đó, ông Triệu Xuân T nộp đơn kháng cáo gửi đến Tòa án là không chính xác. Tòa án nhân dân huyện M đã ra Thông báo số 74/2023/TB-TA ngày 08/5/2023, thông báo cho ông Triệu Xuân T được biết: Nếu ông có yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung giữa ông và bà Phan Thị Kim Ng thì ông phải làm: Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung (Nội dung đơn yêu cầu giải quyết nợ chung phải cung cấp đầy đủ họ, tên và địa chỉ của chủ nợ (nếu là cá nhân), cung cấp đầy đủ tên trụ sở và địa chỉ nơi đặt trụ sở (nếu là tổ chức) và ông phải gửi đơn tại Tòa án nhân dân huyện M thì Tòa án mới có cơ sở xem xét yêu cầu của ông. Nhưng ông T không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung, không cung cấp đầy đủ họ, tên và địa chỉ cụ thể của chủ nợ nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Do các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp nợ chung thì sẽ dành quyền khởi kiện cho các đương sự để được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim Ng phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Ng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005588 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Ng đã nộp xong.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim Ng được quyền ly hôn với ông Triệu Xuân T.

2. Về con chung: Giao cho ông Triệu Xuân T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Xuân X, sinh ngày 10/9/2012 đến khi con chung Triệu Xuân X đủ 18 tuổi. Giao cho bà Phan Thị Kim Ng được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Thị Đ, sinh ngày 14/01/2015 đến khi con chung Triệu Thị Đ đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị Kim Ng và ông Triệu Xuân T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Ng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005588 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Ng đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã H;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Chi cục THA dân sự huyện M;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ